

Bài báo nghiên cứu

MIỀN NGUỒN CON NGƯỜI CỦA CÁC ẨN DỤ Ý NIỆM TRONG DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH MỸ

Nguyễn Xuân Hồng

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Xuân Hồng – Email: nguyensexuanhong@iuh.edu.vn

Ngày nhận bài: 17-6-2022; ngày nhận bài sửa: 15-7-2022; ngày duyệt đăng: 22-7-2022

TÓM TẮT

Bài báo dựa vào thành tựu của phân tích diễn ngôn tiếng Anh, tiến hành làm rõ thêm hướng nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt và tiếng Anh Mỹ bằng cách khái quát việc triển khai hệ thống ý niệm dựa vào miền nguồn CON NGƯỜI, đồng thời so sánh các biểu thức ẩn dụ ý niệm hữu quan trong diễn ngôn chính trị của hai ngôn ngữ. Kết quả cho thấy nhiều mô thức có cùng chung miền nguồn và miền đích nhưng cách thể hiện các ẩn dụ ý niệm rất khác nhau. Cũng có không ít trường hợp, tuy có cùng chung miền đích chính trị, nhưng sự kiến tạo các ẩn dụ theo những tầng bậc trong hai hệ thống diễn ngôn lại khác nhau. Và bao trùm lên tất cả là, các ẩn dụ ý niệm càng khái quát thì càng tương đồng trong hai ngôn ngữ. Sự khác nhau thường xảy ra ở hệ thống ẩn dụ ngôn ngữ.

Từ khóa: ý niệm; ẩn dụ ý niệm; con người; diễn ngôn chính trị; miền nguồn

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ học tri nhận là một bộ phận của khoa học tri nhận nghiên cứu sự nhận thức và ý niệm hóa (conceptualization), phạm trù hóa (categorization) của con người về thế giới xung quanh. Nó đã mở ra một hướng nghiên cứu đầy triển vọng và đề cập nhiều vấn đề liên quan đến trí não của con người, trong đó có ẩn dụ ý niệm (ADYN).

Ẩn dụ không phải hình thành dựa vào sự tương đồng, lại càng không phải là đặc trưng của ngôn ngữ văn chương, mà là cách thức của tư duy. Ẩn dụ là ánh xạ, chúng ta hiểu miền ý niệm này thông qua một miền ý niệm khác. ADYN có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong nhận thức, trong việc hình thành các không gian tinh thần, kể cả trong việc học tập và trong việc rèn luyện trí nhớ. Về mặt biểu đạt, ẩn dụ liên quan mật thiết đến diễn ngôn chính trị (DNCT), bởi chúng thường đề cập những vấn đề trừu tượng thông qua những cái cụ thể nhằm tác động, tuyên truyền tạo ấn tượng, để người nghe, người đọc từ nhận thức biến thành những hành động cụ thể.

Cite this article as: Nguyen Xuan Hong (2022). Source domain of human of conceptual metaphors in Vietnamese and American English political discourse. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(7), 1040-1054.

Bài viết khái quát việc triển khai ý niệm trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt (DNCTTV) và diễn ngôn chính trị tiếng Anh Mỹ (DNCTTAM) dựa vào miền nguồn CON NGƯỜI, đồng thời so sánh các biểu thức ADYN tiêu biểu trong DNCT của hai ngôn ngữ dựa vào miền nguồn này.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Miền nguồn CON NGƯỜI trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt

Với 74 ẩn dụ thu được từ 200 DNCTTV của các nhà lãnh đạo Việt Nam ở các cương vị khác nhau trong *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 1 đến tập 12), các tạp chí, báo chí và công thông tin điện tử Việt Nam, bước đầu có thể nhận xét rằng trong số các nhà lãnh đạo tiêu biểu của Việt Nam, Hồ Chí Minh thường dùng miền nguồn CON NGƯỜI để ý niệm hóa về quốc gia, đất nước, dân tộc. Đây có thể coi là ẩn dụ nhân hóa (personification metaphor).

VD.1: “Nước Việt Nam **có quyền hưởng tự do và độc lập**, và thật sự đã trở thành một nước tự do độc lập.” (Ho Chi Minh, vol.4, p.12)

VD.2: “Việt Nam muốn **tham gia** trong khối liên hiệp Pháp quốc...; Việt Nam đã **đình chiến** theo Hiệp định ngày 6/3...” (Ho Chi Minh, vol.4, p.465)

Hồ Chí Minh đã chỉ ra thực tế là, đất nước Việt Nam có những quyền của con người như quyền hưởng tự do, độc lập và có những hành động của con người như thực thi chính sách mở cửa và hợp tác; tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư; mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế; kí kết với các lực lượng hải quân, lục quân; tham gia trong khối liên hiệp Pháp quốc; đình chiến theo Hiệp định ngày 6/3; cử đại diện vào Ủy ban tư vấn; đánh cho đến thắng lợi hoàn toàn; đánh cho đến độc lập và thống nhất thật sự. Điều này có thể lí giải được bởi vì theo quan điểm của Lakoff (1992), các quốc gia thường được ý niệm hóa như một con người sống trong cộng đồng thế giới với nhiều mối quan hệ xã hội đan xen. Điều này cũng tương tự với kết quả nghiên cứu của Vestermark (2007) khi tiến hành phân tích diễn ngôn nhậm chức của các tổng thống Mỹ, khi họ cùng sử dụng ADYN *Quốc gia ứng xử như một con người* (*Nation acting human*).

Phạm Văn Đồng cũng sử dụng miền nguồn CON NGƯỜI trong các DNCT của mình khi nói về chính sách ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

VD.3: “Việt Nam cùng với các nước Đông Nam Á nằm chung trong một khu vực... do đó phải cùng nhau **đoàn kết** và **đấu tranh** để củng cố hòa bình, giành và giữ độc lập dân tộc và tự do dân chủ.” (Phạm, 1955, p.387)

Tương tự, Lê Duẩn sử dụng miền nguồn này khi nói về vai trò của nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc quản lí và điều hành đất nước nhằm giữ gìn sự ổn định của nền kinh tế, phục vụ phát triển đất nước.

VD.4: “Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải **quản lí** chặt chẽ lưu thông tiền tệ, **ổn định** và **củng cố** sức mua của đồng tiền, **thu bớt** tiền thừa trong lưu thông.” (Le, 1984, p.22)

Ở đây, Phạm Văn Đồng và Lê Duẩn sử dụng ẩn dụ nhân hóa *Quốc gia ứng xử như một con người* nhằm ý niệm hóa đất nước Việt Nam hay Nhà nước xã hội chủ nghĩa (nước Việt Nam) như là một con người, có những hành động của con người và là một thực thể trong xã hội với nhiều mối quan hệ xã hội đan xen.

Trong những ví dụ bên trên, ta thấy có các ADYN: *Quốc gia ứng xử như một con người, Quốc gia là một vật chứa, Địa danh thay cho con người, Địa danh thay cho thể chế chính trị; Quốc gia là con người, Tổ quốc là con người, Nhà nước là con người, Thể chế chính trị là con người. Thậm chí, Tên nước thay cho dân tộc.* Và nói chung, xin lưu ý là các ẩn dụ bản thể được ưu tiên sử dụng.

Ngoài ra, trong miền nguồn đang bàn đến, Hồ Chí Minh còn sử dụng các ẩn dụ ngôn ngữ khi đề cập vai trò của quan chức trong bộ máy chính quyền, vai trò của chế độ và vai trò của Chính phủ trong việc quản lý và điều hành đất nước.

VD.5: “Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là **chủ**. Chính phủ là **đầy tớ** của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân.” (Ho Chi Minh, vol.7, p.368)

VD.6: “Ai cũng biết rằng: Trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ làng xã đến toàn quốc những người chức trách đều do dân cử ra. Dân tin cậy ai thì người ấy trúng cử và bổn phận những người trúng cử là làm **đầy tớ** công cộng cho dân chứ không phải làm quan phát tài.” (Ho Chi Minh, vol.5, p.30)

Để thấy, các ý tưởng này xuất phát từ ADYN: *Thể chế chính trị là con người, Quan hệ chính trị giữa nhân dân và chính quyền là quan hệ giữa chủ và tớ*, và từ đó, có thể suy ra ý niệm sự khác nhau giữa các thể chế chính trị là sự khác nhau trong quan hệ giữa chính quyền với nhân dân, dù có thể đó chỉ là về mặt lí thuyết. Nhìn một cách khái quát, các ý tưởng và diễn đạt mang kiểu quan hệ chủ nhân – đầy tớ như trên vốn xuất phát từ văn hóa phương Đông nhưng lại rất xa lạ với văn hóa phương Tây.

Các ADYN nêu trên nhằm mục đích thuyết phục người dân tin tưởng vào chính quyền cách mạng và đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân. Qua đó, nhân dân sẽ thấu hiểu và thông cảm với công việc điều hành đất nước của chính phủ hơn, đồng thời ngày càng làm gia tăng sự tín nhiệm, sự ủng hộ của nhân dân đối với chính quyền cách mạng.

Có thể nói, kế thừa tư tưởng của phương Đông, Hồ Chí Minh khai thác ý niệm này trong các DNCT của mình rất thành công. Điều này có tác dụng cụ thể hóa vị thế và vai trò của người nắm giữ vị trí lãnh đạo trong chính quyền đặt trong mối quan hệ với nhân dân. Đôi khi, vai trò và vị thế này có thể khó diễn đạt, khó cắt nghĩa, đặc biệt là trong bối cảnh khi chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ mới được thành lập. Để nhấn mạnh sự khác biệt giữa chính quyền cách mạng của nhân dân với chính quyền chế độ cũ, Hồ Chí Minh đã dùng ý niệm đầy tớ và ông chủ để thuyết phục nhân dân nước Việt Nam Dân

chủ Cộng hòa mới được thành lập tin tưởng vào sự ưu việt của nhà nước của dân, do dân và vì dân.

2.2. Miền nguồn CON NGƯỜI trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh Mĩ

Với 94 ẩn dụ thu được từ 200 DNCTTAM của các tổng thống và chính trị gia Mĩ, có thể thấy rõ đặc điểm của các ADYN liên quan đến con người, đặc điểm con người và hoạt động con người như là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Xuất phát từ ADYN *Nation as person/The nation is a person* (Quốc gia/Tổ quốc/Đất nước là con người), có thể dẫn đến nhiều ẩn dụ kéo theo. Tại đây, bài viết sẽ khảo sát và phân tích ADYN *Nation as person/Nation acting human* (Quốc gia/Tổ quốc/Đất nước là con người và Hoạt động của quốc gia/tổ quốc là hoạt động của con người) trong các DNCTTAM.

Diễn hình, ADYN *Nation as a person/The nation is a person* được Tổng thống Franklin Delano Roosevelt sử dụng phổ biến trong các diễn ngôn nhậm chức của mình.

VD.7: “A **nation**, like a **person**, has a body – a body that must be fed and clothed and housed, invigorated and rested...” (Tạm dịch: Một **quốc gia**, giống như **một con người**, có cơ thể – một cơ thể phải được cung cấp thức ăn, quần áo và chỗ ở, cần tiếp thêm sinh lực và sự nghỉ ngơi...) (Roosevelt, *Third Inaugural Address*, 20/01/1941)

Roosevelt ý niệm quốc gia như một con người cụ thể, có *cơ thể* (*body*) và *trí tuệ* (*mind*), đồng thời quốc gia cũng có những nhu cầu bình thường của con người như *ăn* (*feed*), *mặc* (*clothe*), *ở* (*house*), *nghỉ ngơi* (*rest*), *thư giãn* (*relax*)... và những phẩm chất tinh tế của con người như suy nghĩ, biết quan tâm đến người khác, hướng đến tự do, khẳng định vị thế quan trọng của mình và đặc biệt là quan tâm đến sự tồn tại lâu dài của chính mình.

Ở một khía cạnh khác, các chính khách Mĩ như William Howard Taft (1909), Warren Gamaliel Harding (1921), Calvin Coolidge (1928), Ronald Reagan (1985) và George Herbert Walker Bush (1989) cũng sử dụng ADYN đang đề cập đến trong các DNCT của mình, nhưng ở đây lại ý niệm nước Mĩ như là **một người phụ nữ**.

VD.8: “In the international controversies... **the United States** can maintain **her** interests intact and can secure respect for **her** just demands. **She** will not be able to do so, however, if it is understood that **she** never intends to back up **her** assertion of right and **her** defense of **her** interest by anything but mere verbal protest and diplomatic note.” (Tạm dịch: Trong tranh chấp quốc tế... **Hoa Kỳ** có thể duy trì nguyên vẹn các lợi ích của mình và đảm bảo có được sự tôn trọng của các bên liên quan đối với các yêu cầu của mình. Tuy nhiên, **Hoa Kỳ** sẽ không làm như vậy, nếu các bên liên quan hiểu rằng, **Hoa Kỳ** không bao giờ có ý định khẳng định quyền của mình và bảo vệ quyền lợi của mình bằng bất cứ giá nào, mà chỉ phản đối qua trao đổi trực tiếp và qua kênh ngoại giao) (Taft, *Inaugural Address*, 04/03/1909)

VD.9: “We would not have an **America** living within and for **herself** alone.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ** sẽ không sống cho chỉ riêng mình.) (Harding, *Inaugural Address*, 04/03/1921)

VD.10: “In the making and financing of such adjustments there is not only an opportunity, but a real duty, for **America** to respond with **her** counsel and **her** resources.” (Tạm dịch: Trong việc thực hiện và tài trợ tài chính cho những kế hoạch điều chỉnh, thì đây không chỉ là cơ hội, mà còn là nghĩa vụ thực sự của **nước Mĩ** nhằm thể hiện tương xứng với vai trò tư vấn và nguồn lực của nước Mĩ.) (Coolidge, *Inaugural Address*, 04/03/1928)

VD.11: “**America** seeks no earthly empire built on blood and force. No ambition, no temptation, lures **her** thought of freign domination.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ** không theo đuổi một đế chế được xây dựng bằng máu và vũ lực. Không tham vọng, cám dỗ nào có thể khiến nước Mĩ nghĩ về việc thống trị sự tự do.) (Coolidge, *Inaugural Address*, 04/03/1928)

VD.12: “**America** will meet **her** responsibilities to remain free, secure, and at peace.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ** sẽ thực thi trách nhiệm của mình để duy trì tự do, an toàn và hòa bình.) (Reagan, *Second Inaugural Address*, 20/01/1985)

VD.13: “**America** is never wholly **herself** unless **she** is engaged in high moral principle... It is to make kinder the face of the nation and gentler the face of the world.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ** không bao giờ là chính mình nếu **nước Mĩ** không có chuẩn mực cao về đạo đức... Đã đến lúc cho thế giới thấy được bộ mặt tử tế của **nước Mĩ** và bộ mặt hiền hòa của thế giới.) (Bush, *Inaugural Address*, 20/01/1989)

Với việc ý niệm nước Mĩ như một người **phụ nữ**, các Tổng thống Mĩ nêu trên muốn nhấn mạnh đến vẻ đẹp của quốc gia (nước Mĩ), mà ở đây là vẻ đẹp của một người phụ nữ. Cụ thể hơn, các chính trị gia Mĩ ý niệm hóa quốc gia như một người phụ nữ là do yếu tố văn hóa và văn minh, bởi vì theo văn hóa phương Tây nói chung và văn hóa Mĩ nói riêng, sự tôn trọng phụ nữ, ưu tiên cho phụ nữ được đặt lên hàng đầu, và nét đẹp văn minh này được đánh giá cao nhất ở Mĩ. Nghi thức mở đầu của các lời phát biểu trong những tình huống trang trọng bắt đầu bằng cụm từ “Ladies and Gentlemen!” (Thưa Quý bà, Quý ông!); hay, cách ứng xử và hành động trong cuộc sống hàng ngày theo phương châm “Ladies first, children second, dogs next and men last” (Tạm dịch: phụ nữ ưu tiên trước hết, thứ đến là trẻ em, kế đến là chó và cuối cùng là đàn ông) là thể hiện nét văn minh của người Mĩ.

Ở một khía cạnh khác, Ronald Reagan (1981 & 1985) thường sử dụng ADYN *Nation acting human* (Hoạt động của quốc gia/tổ quốc là hoạt động của con người) trong các DNCT của mình.

VD.14: “From new freedom will spring new opportunities for growth, a more productive, fulfilled and united people, and a stronger America – an **America** that will **lead** the technological revolution.” (Tạm dịch: Tự do mới sẽ mở ra những cơ hội mới để phát triển, một dân tộc làm việc năng suất hơn, hoàn thành nghĩa vụ của mình và đoàn kết hơn, và một nước Mĩ mạnh mẽ hơn – một **nước Mĩ** sẽ **dẫn đầu** cuộc cách mạng công nghệ.) (Reagan, *Second Inaugural Address*, 21/01/1985)

Reagan ý niệm quốc gia như một con người với những hành động cụ thể như *dẫn đầu* (*lead*), *thực hiện nghĩa vụ* (*meet responsibilities*), trong ý nghĩa cụ thể nhất chính quyền là

một con người. Chính phủ và người dân Mỹ phải sát cánh cùng nhau trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Cụ thể, chính phủ không phải là yếu tố chính làm nên sự giàu có của quốc gia, mà chính là sự đóng góp của người dân, các doanh nghiệp và ngành công nghiệp. Chính vì vậy, chính phủ Mỹ không được cản trở hay giới hạn cơ hội phát triển của người dân và doanh nghiệp bởi điều này làm cho đất nước chậm phát triển. Quốc gia chậm phát triển cũng giống như cơ thể người chậm lớn. Ở đây, ta thấy có thêm hoán dụ ý niệm *Tên tổ chức thay cho/đại diện cho con người*.

Rõ ràng, Reagan muốn nhấn mạnh đến tính tự quản và tự chủ của nước Mỹ trong quá trình phát triển. Ông cho rằng nước Mỹ cũng có ý chí giống như con người. Người dân Mỹ sẽ không hành động tùy tiện khi không có lời kêu gọi của đất nước và của chính quyền. Nước Mỹ luôn ý thức về vị thế dẫn đầu của mình ở mọi lĩnh vực trên thế giới. Để làm được điều đó, người dân Mỹ phải quyết đoán, yêu quý tự do, có ý thức đoàn kết hơn, chủ động thực hiện nghĩa vụ, làm việc có năng suất hơn, luôn hoàn thành nhiệm vụ của mình trong công việc.

Việc làm cho nước Mỹ trở nên mạnh mẽ hơn sẽ giúp giữ vị thế của nước Mỹ trên trường quốc tế. Nước Mỹ có sức mạnh và sẽ sử dụng sức mạnh đó để đánh bại bất kì kẻ thù nào xâm hại đến an ninh quốc gia, cũng giống như bất kì người Mỹ nào cũng phải hành động để bảo vệ đất nước mình khi cần thiết. Tuy nhiên, nước Mỹ hành động để tự vệ chứ không phải là hiếu chiến. Qua đó, Reagan giúp người nghe nhận ra một nước Mỹ thân thiện, không bạo lực nhưng trong trường hợp cần thiết sẽ hành động để bảo vệ an ninh quốc gia. Điều này giúp người dân Mỹ an tâm và tin tưởng vào sự lãnh đạo và sự bảo vệ của Chính phủ.

ADYN Nation acting human cũng được Tổng thống George Herbert Walker Bush sử dụng trong diễn văn nhậm chức vào ngày 20 tháng 01 năm 1989.

VD.15: “Great nations like great men must keep their word. When **America** says something, **America** means it.” (Tạm dịch: Các quốc gia vĩ đại như những người vĩ đại phải giữ lời. Khi nước Mỹ nói điều gì đó, nước Mỹ sẽ thực hiện nó.) (Bush, *Inaugural Address*, 20/01/1989)

Bush ý niệm nước Mỹ phải chứng tỏ với thế giới là một quốc gia thống nhất, mạnh mẽ, hòa bình và có vị thế của một nước lớn. Nước Mỹ có được niềm tin và giữ được niềm tin đối với người dân Mỹ và các quốc gia khác thông qua việc thực hiện lời hứa của mình. Bên cạnh đó, con người cần phải thay đổi liên tục để phát triển bản thân cũng giống như tổ quốc phải luôn luôn tiến lên phía trước.

Tương tự, nước Mỹ tất yếu phải thay đổi để phát triển mạnh mẽ hơn. Phát triển sẽ loại bỏ những cái cũ và lỗi thời. Thay đổi nhằm mục đích phát triển và chính quyền đã chuẩn bị và lên kế hoạch cụ thể cho những sự thay đổi này. Qua đó, Bush muốn định hình ý thức của người dân Mỹ trong việc xây dựng và bảo vệ hình ảnh nước Mỹ, khẳng định vị thế vĩ đại của nước Mỹ thông qua việc giữ lời hứa. Ngoài ra, ông còn khiến người nghe tin tưởng vào những

thay đổi lớn sắp xảy ra và sự thay đổi đó chắc chắn là tốt và giúp ích cho sự phát triển thịnh vượng của nước Mỹ.

Bên cạnh lớp tỏa tia ngữ nghĩa hoạt động xung quanh từ ngữ trung tâm *action of human*, tri nhận của Bush còn cung cấp cái nhìn về tư thế, vị trí của nước Mỹ (*America stands*), hành trình luôn tiến lên phía trước của nước Mỹ thông qua các từ ngữ chỉ hành động của con người.

Tổng thống Bill Clinton (1993 & 1997) sử dụng ADYN đang đề cập trong các DNCT của mình nhằm gia tăng độ tác động đến toàn thể người dân Mỹ.

VD.16: “Clearly **America** must continue to **lead** the world we did so much to make.” (Tạm dịch: Rõ ràng **nước Mỹ** phải tiếp tục **dẫn đầu** thế giới như chúng ta đã từng làm.) (Clinton, *First Inaugural Address*, 20/01/1993)

VD.17: “**America** became the world's mightiest industrial power; **saved** the world from tyranny in two world wars and a long cold war.” (Tạm dịch: **Nước Mỹ** trở thành cường quốc công nghiệp hùng mạnh nhất thế giới; **cứu** thế giới khỏi sự chuyên chế trong hai cuộc chiến tranh thế giới và một cuộc chiến tranh lạnh kéo dài.) (Clinton, *Second Inaugural Address*, 20/01/1997)

Clinton ý niệm quốc gia như một con người với những hành động cụ thể của con người trong cuộc sống thường ngày như *dẫn đầu* (*lead*), *trở thành* (*become*), *cứu giúp* (*save*), *đứng vững* (*stand*), *đòi hỏi* (*demand*), *xứng đáng* (*deserve*). Tại thời điểm năm 1993, nước Mỹ đang phải đối mặt với những yếu kém, khó khăn và thách thức trước mắt. Chính vì thế, một khi được ý niệm hóa như một con người, nước Mỹ phải có những giải pháp mạnh mẽ và quyết liệt để vượt qua khủng hoảng, nhằm vươn lên khẳng định vị thế dẫn đầu thế giới, cũng giống như con người vẫn thường làm trong cuộc sống của mình.

Clinton còn cho rằng điều quan trọng và tiên quyết nhất mà người dân Mỹ phải quan tâm là sự phát triển thịnh vượng của đất nước. Muốn làm được điều đó, người dân Mỹ hãy tạm quên đi lợi thế của mình ở hiện tại, mà phải có một cái nhìn xa hơn, một tham vọng lớn hơn nữa để hướng đến thực hiện giấc mơ Mỹ (*American dream*). Nước Mỹ phải trở thành cường quốc công nghiệp hùng mạnh nhất thế giới.

Với ADYN này, Clinton muốn đề cập trách nhiệm của mỗi người dân Mỹ trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Cụ thể, người dân Mỹ không được tự mãn mà phải luôn hướng đến những điều to lớn và tốt đẹp hơn, giúp họ hoàn thành giấc mơ Mỹ và lời hứa Mỹ. Qua đó, thu hút được sự quan tâm, chú ý và đồng cảm của người nghe là toàn thể người dân Mỹ.

Xét riêng về mặt biểu đạt từ vựng nhằm thực hiện ánh xạ Hoạt động con người → Hoạt động quốc gia, Bush và Clinton có cách tri nhận và lí giải rất giống nhau.

Các chính trị gia Mỹ khác như James Monroe (1817), Martin V. Buren (1837), Calvin Coolidge (1928), Richard M. Nixon (1969), Barack Obama (2009 & 2013) và Donald Trump

(2017) cũng sử dụng miền nguồn CON NGƯỜI trong các DNCT của mình nhằm gia tăng sự tác động đến người nghe, thể hiện ý niệm *Nation acting human*.

VD.18: “In the course of these conflicts the **United States received** great injury from several of the parties.” (Tạm dịch: Trong quá trình xảy ra xung đột, **Hoa Kỳ gánh chịu** tổn thương lớn từ một số bên tham chiến.) (Monroe, *First Inaugural Address*, 04/03/1817)

VD.19: “**America will present** to every friend of mankind the cheering proof that a popular government, wisely formed, is wanting in no element of endurance or strength.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ sẽ công bố** cho nhân loại bằng chứng rằng một chính phủ nổi tiếng, được thành lập một cách khôn ngoan, không muốn gì khác ngoài sự bền bỉ hay sức mạnh.) (Buren, *Inaugural Address*, 04/03/1837)

VD.20: “**America has taken** the lead in this new direction, and that lead America must continue to hold.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ đã đi đầu** trong hướng đi mới này và nước Mĩ phải tiếp tục giữ vững nó.) (Coolidge, *Inaugural Address*, 04/03/1928)

VD.21: “In these difficult years, **America has suffered** from a fever of words; from inflated rhetoric that promises more than it can deliver; from angry rhetoric that fans discontents into hatreds; from bombastic rhetoric that postures instead of persuading.” (Tạm dịch: Trong những năm khó khăn này, **nước Mĩ chịu đựng** một cơn sốt từ ngữ; những lời hoa Mĩ hứa hẹn thổi phồng quá mức; những lời hoa Mĩ khiến người dân bất mãn; những từ hùng biện mang tính chỉ trích thay vì thuyết phục.) (Nixon, *First Inaugural Address*, 20/01/1969)

VD.22: “At these moments, **America has carried on** not simply because of the skill or vision of those in high office, but because We the People have remained faithful to the ideals of our forbearers, and true to our founding documents.” (Tạm dịch: Vào những thời điểm này, **nước Mĩ vẫn tiếp bước** không đơn giản vì kỹ năng hay tầm nhìn của các quan chức chính phủ, mà bởi vì người dân Mĩ vẫn trung thành với lí tưởng của cha ông chúng ta.) (Obama, *First Inaugural Address*, 20/01/2009)

VD.23: “**America must choose** between caring for the generation that built this country and investing in the generation that will build its future.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ phải lựa chọn** giữa việc chăm sóc thế hệ đã xây dựng đất nước này và việc đầu tư vào thế hệ sẽ xây dựng tương lai của đất nước.) (Obama, *Second Inaugural Address*, 21/01/2013)

VD.24: “**America will start winning** again, winning like never before.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ sẽ chiến thắng** một lần nữa, chiến thắng vĩ đại hơn bao giờ hết.) (Trump, *Inaugural Address*, 21/01/2017)

Các chính khách nói trên đã ý niệm nước Mĩ như một con người và có các hành động của một con người như *gánh chịu* (*receive*), *công bố* (*present*), *kỉ niệm* (*celebrate*), *chịu đựng* (*suffer*), *tiếp bước* (*carry on*), *lựa chọn* (*choose*), *chiến thắng* (*win*). Nước Mĩ đã trải qua nhiều thăng trầm, nhiều cuộc chiến, gánh chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình. Tuy nhiên, nước Mĩ với nhiều lợi thế về thiên

nhiên và con người, vẫn tiếp tục tiến lên, tiếp tục dẫn đầu và sẽ lại giành chiến thắng trước bao gian lao, thử thách và kẻ thù. Qua đó, các chính khách Mĩ muốn truyền tải thông điệp đến người dân Mĩ rằng, họ phải luôn nhớ và tự hào về lịch sử hình thành và phát triển đất nước mình, đồng thời nhấn mạnh việc đầu tư mạnh mẽ vào thể hệ tương lai bởi vì họ sẽ là nhân tố quyết định vận mệnh của nước Mĩ.

Dùng miền nguồn CON NGƯỜI để ánh xạ lên miền đích QUỐC GIA (chính quyền/thể chế chính trị/đảng phái...), các chính khách Mĩ hầu như đã khai thác tất cả những ý niệm về phạm trù con người, trong đó, trong phạm vi khảo sát là DNCTTAM, có thể thấy 2 ẩn dụ được sử dụng thường xuyên:

- *Đặc điểm con người là đặc điểm của quốc gia.*
- *Hoạt động của con người là hoạt động của quốc gia.*

Cách tri nhận và diễn giải theo mô thức này rất thú vị. Đó là gắn các khái niệm trừu tượng của hệ thuật ngữ chính trị học với những thuộc tính quen thuộc của con người như lí trí, tình cảm, nói theo tri nhận luận là dùng kinh nghiệm của chính bản thân con người để nhận hiểu đặc điểm của chính trị. Qua đó, các cách ý niệm hóa theo dạng này giúp cho người nghe, người đọc thấy gần gũi và dễ cảm nhận được nội dung mà các chính trị gia muốn truyền đạt.

2.3. Một vài so sánh

Với tư cách là ý niệm nguồn, cũng là phạm trù, tòa tia ngữ nghĩa HUMAN (CON NGƯỜI) hầu như bao trùm lên tất cả các lĩnh vực theo kiểu đối lập có tính chất triết học CON NGƯỜI/TỰ NHIÊN.

Con người với tư cách là chủ thể tri nhận theo lí thuyết nghiệm thân có thể dùng tất cả các trải nghiệm của mình để nhận thức thế giới. Theo đó, nghiệm thân có thể quy về 3 loại: nghiệm thân sinh lí, nghiệm thân (với) tự nhiên và nghiệm thân xã hội (Trinh, 2019).

Nghiệm thân nói chung, có nghĩa là dùng tất cả những hiểu biết, những kinh nghiệm về chính bản thân mình bao gồm hoạt động của các bộ phận cơ thể con người và những hoạt động, trạng thái, tính chất của con người như vận động, di chuyển, tư thế đứng thẳng, thức, ngủ, nằm, ngồi... để tri nhận thế giới.

Nghiệm thân liên quan đến các bộ phận cơ thể người lập thành một hệ thống riêng nằm ở vị trí trung tâm (nghiệm thân sinh lí). Còn việc gắn những thuộc tính, tính chất của con người lên tự nhiên mà ngôn ngữ học tiên tri nhận gọi là nhân hóa, ở đây, theo ngôn ngữ học tri nhận, thực chất là ẩn dụ bản thể mở rộng, cũng lập thành một hệ thống nằm ở vị trí biên. Và như vậy, việc nhân hóa thực chất là sự tương tác của chủ thể với khách quan bao gồm tự nhiên và xã hội.

Bài viết bước đầu so sánh các ADYN trong DNCTTV & DNCTTAM trong hai ngôn ngữ để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt.

2.3.1. Quốc gia (tổ quốc/đất nước) là một con người

Xét các ví dụ:

VD.25: “**America** will start **winning** again, winning like never before.” (Tạm dịch: **Nước Mĩ** sẽ bắt đầu **chiến thắng** một lần nữa, chiến thắng hơn bao giờ hết.) (Trump, *Inaugural Address*, 21/01/2017)

VD.26: “**Nước Việt Nam** có **quyền hưởng tự do và độc lập**, và thật sự đã trở thành một nước tự do độc lập.” (Ho Chi Minh, vol.4, p.12)

Có thể nói, ADYN có tính chất bao trùm này sẽ kéo theo hàng loạt hệ quả liên quan đến đặc điểm về con người với tư cách là miền ý niệm nguồn, từ tâm hồn đến thể xác, các bộ phận cơ thể người, thuộc tính, tính chất, hành động, ứng xử, tất cả đều được dùng để ánh xạ lên miền ý niệm đích quốc gia, xã hội.

2.3.2. *Thế giới là một tập hợp người (quan hệ giữa các quốc gia là quan hệ giữa con người với con người)*

Ở bình diện khái quát, trong nhận thức của nhân loại, thế giới là một cộng đồng người, không kể màu da, sắc tộc, ngôn ngữ, trong thế giới đó, mỗi quốc gia lại được hình dung là một con người và mối quan hệ giữa các quốc gia cũng chính là mối quan hệ giữa con người với con người. Quan hệ này có thể có ý nghĩa tích cực mà cũng có thể là tiêu cực tùy thuộc vào thể chế chính trị, ý thức hệ, đường lối ngoại giao và cả liên minh hay không liên minh.

VD.27: “Let all our **neighbors** know that we shall join with them to oppose aggressions or subversion anywhere in the Americas.” (Tạm dịch: Hãy để tất cả **quốc gia láng giềng** của chúng ta biết rằng chúng ta sẽ tham gia cùng với họ để chống lại sự xâm lược hoặc lật đổ bất cứ nơi nào ở Châu Mĩ.) (Kennedy, *Inaugural Address*, 21/01/2061).

VD.28: “Lào và Việt là hai nước **anh em**. Mối quan hệ giữa hai dân tộc rất là mật thiết. Đối với kiều bào ta làm ăn sinh sống ở đất nước Lào thì Lào lại như là một Tổ quốc thứ hai.” (Ho Chi Minh, vol.4, p.139).

Để thấy, tuy độ **đậm/nhạt** có khác nhau nhưng cả trong DNCTTV và DNCTTAM đều xem con người như một miền nguồn cụ thể để ánh xạ lên miền đích là quốc gia, tổ quốc, đất nước.

Trước hết, đáng chú ý là cái cách ẩn dụ hóa theo lối diễn đạt đơn giản tập hợp nhiều người (cộng đồng) là tập hợp của nhiều quốc gia (thế giới), trong đó, quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng cũng chính là quan hệ giữa các quốc gia, mà như chúng ta biết quan hệ giữa con người với con người là rất phức tạp, có thể là thân thiện, chan hòa, nhưng cũng có thể là thù địch, xung đột.

Dựa vào sự tương đồng nhận thức này, mà con người kiến tạo mối quan hệ giữa các quốc gia có thể là bạn bè anh em mà cũng có thể là kẻ thù. Đây là những biểu thức ẩn dụ có tính chất phổ quát, thậm chí trong tiếng Việt, một xã hội được xây dựng chủ yếu trên mối quan hệ cộng đồng, trọng tình cảm, cho nên không lạ khi thấy nhiều chính khách Việt Nam đẩy mối quan hệ tích cực, so sánh mối quan hệ tích cực giữa các quốc gia có cùng chung một lí tưởng là anh em, là gia đình, thậm chí đối với các nước lớn, coi *Việt Nam là người em út, Liên Xô là anh hai, anh cả*.

VD.29: “Vô sản thế giới, cách mạng thế giới thành một **đại gia đình**, mà Đảng ta là một trong những **con út** của **đại gia đình** ấy.” (Ho Chi Minh, vol.3, p.462)

2.3.3. Hoạt động của quốc gia là cách ứng xử của một con người

Như đã nói, một khi đã thừa nhận rằng quốc gia là con người, thì hiển nhiên có thể xác lập ẩn dụ kéo theo là *Hoạt động của quốc gia cũng chính là hoạt động của con người*. Đây là loại ẩn dụ xuất hiện rất thường xuyên trong diễn ngôn nhậm chức của nhiều Tổng thống Hoa Kỳ bởi vì cách diễn đạt, cách ý niệm hóa kiểu này rất thuận lợi cho việc nêu bật niềm tự hào, niềm kiêu hãnh của người Mỹ về đất nước, về thể chế chính trị của họ.

VD.30: “We would not have an **America** living within and for **herself** alone.” (Tạm dịch: Chúng ta sẽ không có một nước Mỹ sống cho riêng mình.) (Harding, *Inaugural Address*, 04/03/1921).

Trong khi đó, loại ẩn dụ này trong tiếng Việt, tuy xuất phát từ việc đồng nhất phạm trù con người với phạm trù tổ quốc, đất nước, quốc gia nhưng việc dùng trường từ vựng chỉ hoạt động ứng xử con người để nêu bật niềm tự hào của dân tộc lại xuất hiện không nhiều.

Theo quan sát bước đầu của chúng tôi, cùng là ý tưởng tự hào dân tộc nhưng thường trong tiếng Việt lại hay ý niệm hóa bằng các chi tiết lịch sử, đặc biệt lại được thể hiện bằng sức mạnh cơ bắp trong các DNCTTV xuất hiện trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

VD.31: “Việt Nam chúng ta có nhiều vùng chiến lược, nên chúng ta phải đối **một quả đấm**, phải có **nhiều quả đấm**.” (Le, Bài phát biểu của Lê Duẩn tại Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 01/1968).

2.3.4. Đặc điểm của quốc gia là đặc điểm của con người

Trong cả DNCTTV và DNCTTAM, các phẩm chất tích cực của con người đều được ánh xạ lên miền đích tổ quốc, đất nước. Nói rõ hơn, đó là theo cách ý niệm hóa *Phẩm hạnh của con người là phẩm chất tốt đẹp của quốc gia*.

VD.32: “**America**, at its best, is **compassionate**. In the quiet of the American **conscience**, we know that deep persistent poverty is unworthy of our nation’s **promise**.” (Tạm dịch: Nước Mỹ có lòng **bác ái**. Từ sâu thẳm trong **lương tâm** của người Mỹ, chúng ta biết rằng nghèo đói kéo dài không tương xứng với **lời hứa** của nước Mỹ.) (Bush, *Inaugural Address*, 20/01/1989).

VD.33: “Một dân tộc đã **gan góc** chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã **gan góc** đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!...” (Ho Chi Minh, vol.4, p.12)

2.3.5. Thể chế chính trị là một con người; cơ cấu của một quốc gia, của một thể chế, của một chính đảng là cơ thể của con người; đường lối chính sách của một quốc gia là ý tưởng của con người

Trong các ví dụ bên dưới, cùng một lúc các diễn giả sử dụng nhiều ADYN, nhưng trước hết, nổi rõ nhất, dễ nhận diện nhất là *Thể chế chính trị là một vật thể*. Vì là một vật thể có thể nhìn thấy, có thể nắm bắt được, cho nên mọi đặc điểm tốt xấu đều nổi rõ. Tuy có thể

là trải nghiệm xuất phát từ khách quan nhưng rõ ràng cách ý niệm hóa này là nét độc đáo của ADYN, bởi nó kích hoạt người nghe, người đọc suy nghĩ, quan sát, nghiền ngẫm những ý niệm trừu tượng thông qua những vật thể cụ thể.

Thứ đến, *Thể chế chính trị là một con người*. Tương tự như cách lập thức bên trên, thậm chí còn hơn thế nữa, cách ý niệm hóa này đã gán tính người lên những thực thể trừu tượng cũng không ngoài mục đích tác động, tuyên truyền.

Đây là những đặc điểm chung của hai hệ thống DNCTTV và DNCTTAM.

VD.34: “To renew America, we must **revitalize our democracy**.” (Tạm dịch: Để làm mới nước Mỹ, chúng ta phải **hồi sinh nền dân chủ**.) (Clinton, *First Inaugural Address*, 20/01/1993).

VD.35: “Chúng ta nguyện ra sức phấn đấu thực hiện lời dạy thiêng liêng của Bác “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, trở ngại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và **xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội**.” (Lê Duẩn, *Bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng*, 1969).

2.3.6. Cơ thể của quốc gia là cơ thể con người

Xét các ví dụ bên dưới:

VD.36: “Without the **body** and the **mind**, as all men know, the Nation could not live.” (Tạm dịch: Như tất cả chúng ta đều biết, không có **cơ thể** và **trí óc**, Quốc gia không thể sống.” (Roosevelt, *Third Inaugural Address*, 20/01/1941).

VD.37: “*Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn **con người của mắt mình***.” (Ho Chi Minh, vol.12, p.497)

Cũng nằm trong hệ ẩn dụ này, có thể ghi nhận, cả DNCTTV và DNCTTAM đều sử dụng các bộ phận cơ thể người như là miền nguồn để ánh xạ lên các thuộc tính, tính chất của một quốc gia, một đất nước, nhưng nếu như trong DNCT phương Tây sử dụng lưỡng phân hồn và xác, lí trí và tình cảm thông qua đầu và trái tim, thì trong DNCTTV, đa số các trường hợp lại dùng các lục phủ ngũ tạng để biểu trưng cho cái đặc điểm này của quốc gia.

Cũng phải nói đến trường hợp rất đặc biệt, tuy là đều có sử dụng tri thức nền là nghiệm thân nhưng tùy theo đối tượng tiếp nhận mà Hồ Chí Minh dùng nghiệm thân theo kiểu phương Đông hoặc phương Tây (Trinh, 2013).

VD.38: “Miền Nam yêu quý luôn ở trong **trái tim** tôi.” (Ho Chi Minh, vol.4, p.245)

VD.39: “Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một **đoạn ruột**.” (Ho Chi Minh, vol.5, p.40)

2.3.7. Quốc gia là một người mẹ/người phụ nữ/đứa trẻ

ADYN *Quốc gia là một con người* là một loại ẩn dụ phổ biến trong nhiều nền văn hóa. Tuy nhiên, giới tính của *con người* trong miền nguồn, với tư cách là cơ sở để ánh xạ lại không giống nhau. Đó có thể là người nam, người nữ hoặc trẻ con, tùy theo ngữ cảnh.

ADYN *Quốc gia là một người phụ nữ* xuất hiện trong cả DNCTTV và DNCTTAM. Điều này có thể giải thích được bởi tính chất tình cảm, mềm mại, uyển chuyển, nói rộng ra, những đặc điểm có tính chất nữ tính đều tương đồng với tình cảm mà con người dành cho quê hương đất nước. David Lee (2001) đã nhận xét, trong tất cả các xã hội loài người, họ (phụ nữ) là những người đảm nhận vai trò săn sóc (caring) (Nguyen & Nguyen, 2016, p.93). Bên cạnh đó, DNCTTV có thiên hướng cụ thể hóa ẩn dụ bên trên bằng ý niệm người mẹ với các đặc điểm như nuôi con, che chở, bao dung, hi sinh cho con cái... Điều này rất phù hợp với suy nghĩ của người Việt Nam.

VD.40: “**America** is never wholly **herself** unless **she** is engaged in high moral principle... It is to make kinder the face of the nation and gentler the face of the world.” (Tạm dịch: Nước Mĩ không bao giờ là chính mình nếu nước Mĩ không có chuẩn mực cao về đạo đức... Đã đến lúc cho thế giới thấy được bộ mặt tử tế của nước Mĩ và bộ mặt hiền hòa của thế giới.) (Bush, *Inaugural Address*, 20/01/1989).

VD.41: “Dân ta phải giữ nước ta, dân là **con** nước, nước là **mẹ** chung.” (Ho Chi Minh, vol.4, p.486)

2.3.8. *Quốc gia là một gia đình*

Có thể thấy rằng ADYN *Quốc gia là một gia đình* xuất hiện khá phổ biến trong cả DNCTTV và DNCTTAM, chúng xuất hiện là nhằm mục đích thể hiện ý niệm: Các quốc gia có cùng chung lí tưởng là một đại gia đình (anh em), quốc gia với nhiều dân tộc cũng là một đại gia đình.

VD.42: “I have a dream that one day on the red hills of Georgia the sons of former slaves and the sons of former slave owners will be able to **sit down together at the table of brotherhood.**” (Tạm dịch: Giấc mơ của tôi là một ngày kia trên những ngọn đồi đỏ của George, những đứa con của những người nô lệ và những đứa con của những người chủ nô trước đây sẽ cùng ngồi chung mâm như **anh em một nhà**). (King in Lucas & Medhurst, 2009, *The top 100 American speeches*, p.377).

VD.43: “Hiện nay toàn quốc đồng bào ta, công giáo và ngoại công giáo, đều đoàn kết chặt chẽ, nhất trí đồng tâm như **con một nhà**, ra sức tranh đấu để giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc.” (Ho Chi Minh, vol.4, p.121)

Là một ẩn dụ kéo theo từ miền nguồn HOẠT ĐỘNG CON NGƯỜI, cách ý niệm hóa *Quốc gia là một gia đình* đều tìm thấy trong hai hệ thống diễn ngôn là khá gần gũi nhau.

Tuy vậy, cách biểu đạt này trong DNCTTV là **đậm nét** hơn và được thể hiện một cách nhất quán ở mọi cấp độ diễn ngôn. Trong khi đó, ở DNCTTAM thì hầu như chỉ xuất hiện ở cấp độ ý niệm trừu tượng. Điều này cũng chính xác với cách ý niệm hóa gia đình, đại gia đình để chỉ mối quan hệ giữa các dân tộc trong một nước, cũng như mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau.

3. Kết luận

Bài viết bước đầu khái quát được việc triển khai ý niệm trong DNCTTV và DNCTTAM dựa vào miền nguồn CON NGƯỜI, đồng thời so sánh các biểu thức ẩn dụ tiêu biểu trong diễn ngôn chính trị của hai ngôn ngữ dựa vào miền nguồn này. Theo ghi nhận của bài viết, nhiều mô thức có cùng chung miền nguồn và miền đích nhưng cách thể hiện các ADYN rất khác nhau. Cũng có không ít trường hợp, tuy có cùng chung miền đích chính trị, nhưng sự kiến tạo các ẩn dụ theo những tầng bậc trong hai hệ thống diễn ngôn lại khác nhau. Và bao trùm lên tất cả là, các ADYN càng khái quát thì càng tương đồng trong hai ngôn ngữ. Sự khác nhau thường xảy ra ở hệ thống ẩn dụ ngôn ngữ. Mặt khác, các ẩn dụ cơ bản (primary metaphor) được đúc kết từ những trải nghiệm trực tiếp cũng rất gần gũi nhau trong DNCTTV và DNCTTAM.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ho Chi Minh (2004). *Ho Chi Minh toan tap, tap 3* [Complete works of Ho Chi Minh, vol.3]. National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2004). *Ho Chi Minh toan tap, tap 4* [Complete works of Ho Chi Minh, vol.4]. National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2004). *Ho Chi Minh toan tap, tap 5* [Complete works of Ho Chi Minh, vol.5]. National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2004). *Ho Chi Minh toan tap, tap 7* [Complete works of Ho Chi Minh, vol.7]. National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2004). *Ho Chi Minh toan tap, tap 12* [Complete works of Ho Chi Minh, vol.12]. National Political Publishing House.
- Lakoff, G., & Johnson, M. (1989, 2003). *Metaphors we live by*. The University of Chicago Press.
- Le, D. (1984). Nam vung quy luat, doi moi quan ly kinh te [Mastering the rules, innovating economic management]. *Journal of People's Army*, 336, 22.
- Lucas, S. E., & Medhurst, M. J. (2009). *Words of a Century: The top 100 American speeches, 1900-1999*. Oxford University Press.
- Nguyen, V. H., & Nguyen, H. A. (2016). *Dan luan Ngon ngu hoc tri nhan* [An Introduction to Cognitive linguistics]. Hanoi: Hanoi National University Press.
- Nguyen, X. H. (2017). Ve mot huong nghien cuu dien ngon chinh tri tieng Viet [About a direction to study Vietnamese political discourse]. *Ho Chi Minh University of Education Journal of Science*, 14(5), 77-83.
- Nguyen, X. H. (2018). An du y niem trong dien ngon chinh tri tieng Viet va tieng Anh [Conceptual metaphor in English and Vietnamese political discourse]. *Proceedings of the International Conference "Linguistic Issues in Vietnam and in SouthEast Asia"*. Publishing House of VNU-HCM, 2019, 490-507.

- Nguyen, X. H. (2019). Ve mot so mien y niem nguon trong dien ngon chinh tri tieng Viet [Conceptual source domains in Vietnamese political discourse]. *Journal of Language and Life*, 8(288), 27-31.
- Nguyen, X. H. (2020). Ve mot so mien nguon pho bien trong dien ngon chinh tri tieng Anh Mi [About some common source domains in American English political discourse]. *Ho Chi Minh University of Education Journal of Science*, 17(1), 101-106.
- Pham, V. D. (1955). Pham Van Dong va Ngoai giao Viet Nam [Pham Van Dong and Viet Nam's Diplomacy]. Ha Noi, 2006, 387.
- Trinh, S. (2019). Cognitive Models and Culture Interaction in Thomas Engelbert (Editor) [Mo hình tri nhan va tuong tac van hoa]. *Vietnamese studies in Vietnam and Germany, New Contributions to Vietnamese linguistics*. Publikationen Der Hamburger Vietnamistik, 207-300.
- Trinh, S. (2013). Phong cach ngon ngu cua Chu tich Ho Chi Minh nhin tu goc do ngon ngu hoc tri nhan [Linguistic style of Ho Chi Minh from the perspective of cognitive linguistics]. *Journal of Language and Life*, 1+2 (207+208).
- Trinh, S. (2016). An du y niem va nhung van de con lai [Conceptual metaphors and the rest issues]. *Journal of Language and Life*, 12(254), 1-5.
- van Dijk T. A. (1997). What is Political Discourse Analysis? *Belgian Journal of Linguistics*, 11, 11-52.
- Vestermark, I. (2007). *Metaphors in Politics: A Study of the Metaphorical Personification of America in Politic Discourse*. Lulea University of Technology.
-

**SOURCE DOMAIN OF HUMAN OF CONCEPTUAL METAPHORS
IN VIETNAMESE AND AMERICAN ENGLISH POLITICAL DISCOURSE**

Nguyen Xuan Hong

Industrial University of Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Xuan Hong – Email: nguyensexuanhong@iuh.edu.vn

Received: June 17, 2022; Revised: July 15, 2022; Accepted: July 22, 2022

ABSTRACT

Based on literature review of English discourse analysis, the article aims to further elaborate the research direction of conceptual metaphors in Vietnamese and American English political discourse by generalizing the implementation of a conceptual system based on the source domain of HUMAN. At the same time, it compares the concerned conceptual metaphor expressions in the political discourse of these two languages. The results show that many models share the same source and target domains, but the expression of conceptual metaphors is very different. There are also many cases that, despite having the same political target domain, the construction of metaphors according to the levels in the two discourse systems is different. And all in all, the more general the conceptual metaphors are, the more similar they are in the two languages. However, the difference often occurs in the linguistic metaphor system.

Keywords: concept; conceptual metaphor; human; political discourse; source domain